

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 753/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã C. Huyện D, tỉnh Đồng Tháp.
- Bà H, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ Q, Khu phố Y, phường U, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông T và Bà H đăng ký kết hôn năm 2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, Huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 19/11/2015).

Ngày 21/10/2019, ông T và bà H nộp Đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận T công nhận việc thuận tình ly hôn.

Đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình chung sống giữa ông T và bà H đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét tình cảm giữa ông T và bà H không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông T và bà H là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Ông T và Bà H xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông T và Bà H xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông T và Bà H xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông T và Bà H phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và Bà H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số G/2015, quyển số J/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, Huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 19/11/2015 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông T và Bà H xác định không có.

- Về tài sản chung: Ông T và Bà H xác định không có.

- Về nợ chung: Ông T và Bà H xác định không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông T và Bà H chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0031784 ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ ông Tịnh và bà Tuyết đã đóng đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM; (1)
- VKSND Quận T; (2)
- Chi cục THADS Quận T; (1)
- Sở tư pháp Tp.HCM (1)
- Các đương sự; (2)
- UBND Xã T,H.C, tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Lưu: VT, HS. (Thúy) (3)

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Thanh